TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 08-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Chung Kim Sang
2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1993** (có mặt)
Số A M, phường R, tỉnh An Giang.

***2. Bị đơn*: Ông Trần Phương T, sinh năm 1990** (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Số C L, phường R, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P trình bày:

Bà và ông Trần Phương T quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/6/2018. Từ sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng đã thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cải nhau. Mâu thuẫn trầm trọng là vào khoảng tháng 7/2020 vợ chồng ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo bà P cho rằng ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không trợ giúp kinh tế và không chăm lo cho gia đình. Do nhận thấy không thể tiếp tục kéo

dài hôn nhân nên bà P muốn ly hôn với ông T. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Phương Mỹ A, sinh ngày 06/4/2018.

Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Phương T; Về con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà P giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 29/8/2025 người con chung là Trần Phương Mỹ A có ý kiến: Muốn được sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Ngọc P.

Ông Trần Phương T là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

Bà Nguyễn Ngọc P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Phương T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Phương T là bị đơn cư trú tại phường R, tỉnh An Giang; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

Ông Trần Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] *Nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc P và ông Trần Phương T tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/6/2018, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Tại phiên toà, bà P xác định nguyên nhân yêu cầu ly hôn là vì giữa bà và ông T không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay và không thể hàn gắn được tình cảm. Như vậy xét thấy giữa hai vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, hôn nhân giữa bà P và ông T không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do ông T vắng mặt. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, bà P xác định giữ nguyên ý kiến muốn chấm dứt hôn nhân với ông T, Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông T có 01 người con chung tên Trần Phương Mỹ A, sinh ngày 06/4/2018. Xét thấy từ thời gian bà P và ông T sống ly thân cho đến nay thì cháu A do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà P xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con về mọi mặt và cháu A cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo về mặt tâm lý và cuộc sống ổn định hiện tại của cháu A, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu A cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà P không có yêu cầu.

Bà P cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc P xác định không có và không yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008146 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - An Giang), bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P đối với bị đơn ông Trần Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc P được ly hôn với ông Trần Phương T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phương Mỹ A, sinh ngày 06/4/2018 cho bà Nguyễn Ngọc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà P cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008146 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - An Giang), bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- THADS khu vực 1 – An Giang;
- UBND phường Rạch Giá;
- Lưu.